Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định

Phụ lục I

KẾT QUẢ ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO NHÂN DÂN LÀM NHÀ Ở TẠI 06 XÃ THUỘC HUYỆN NGHĨA HƯNG

(Kèm theo Quyết định số: 124/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của UBND tỉnh Nam Định)

STT	Họ và tên người trúng đấu giá	Vị trí theo BĐQH			Diện tích (m2)	Số tiền theo giá khởi điểm (đồng)	Số tiền trúng đấu giá (đồng)
		Tờ	Thửa	Lô số			
I	**Xã Nghĩa Đồng**			**23**	**4.169,0**	**8.101.500.000**	**12.038.726.000**
1	Bùi Đức Hạnh	3a	3;4	1	192,0	576.000.000	955.000.000
2	Bùi Văn Đảm	3a	3;4	2	192,0	576.000.000	870.800.000
3	Bùi Hữu Đam	3a	3;4	3	224,0	672.000.000	870.500.000
4	Khương Mạnh Toàn	3a	3;4	4	192,0	576.000.000	700.000.000
5	Trần Trọng Tâm	3a	3;4	5	192,0	288.000.000	490.000.000
6	Trần Quang Huy	3a	3;4	6	208,0	312.000.000	520.000.000
7	Trần Phúc Đức	3a	3;4	7	192,0	576.000.000	577.116.000
8	Cồ Thị Thanh Mai	3a	3;4	8	192,0	288.000.000	386.000.000
9	Nguyễn Thị Thu Hương	3a	3;4	9	192,0	288.000.000	400.000.000
10	Nguyễn Phúc Chỉnh	3a	3;4	10	192,0	288.000.000	496.610.000
11	Nguyễn Ngọc Quỳnh	3a	3;4	11	208,0	312.000.000	466.000.000
12	Nguyễn Văn Công	3a	3;4	12	160,0	240.000.000	420.000.000
13	Nguyễn Thị Nhàn	3a	3;4	13	160,0	240.000.000	350.000.000
14	Vũ Thị Hạnh	3a	3;4	14	158,0	237.000.000	358.500.000
15	Vũ Văn Mạnh	3b	909	15	196,0	392.000.000	705.000.000
16	Phạm Thị Bích	2a	852	16	100,0	250.000.000	390.000.000
17	Nguyễn Văn Hưng	2a	852	17	100,0	250.000.000	400.000.000
18	Nguyễn Ngọc Quỳnh	2a	852	18	100,0	250.000.000	356.600.000
19	Vũ Văn Tô	2a	852	19	100,0	250.000.000	425.000.000
20	Nguyễn Phúc Chỉnh	2a	852	20	209,0	313.500.000	510.600.000
21	Trần Văn Trang	2a	852	21	196,0	294.000.000	520.000.000
22	Trần Văn Trang	2a	852	22	238,0	357.000.000	570.000.000
23	Phạm Văn Sang	3a	39	38	276,0	276.000.000	301.000.000
II	**Xã Nghĩa Minh**			**2**	**241,0**	**1.335.000.000**	**1.345.000.000**
1	Trịnh Thị Hoa	4	363	2	111,0	555.000.000	556.000.000
2	Nguyễn Thanh Chương	5	282	3	130,0	780.000.000	789.000.000
III	**Xã Nghĩa Châu**			**5**	**498,0**	**2.939.000.000**	**3.202.000.000**
1	Khương Văn Hiền	5	102	20	98,0	539.000.000	540.000.000
2	Khương Văn Thìn	5	302	21	100,0	600.000.000	670.000.000
3	Khương Văn Thi	5	302	22	100,0	600.000.000	650.000.000

STT	Họ và tên người trúng đấu giá	Vị trí theo BĐQH			Diện tích (m2)	Số tiền theo giá khởi điểm (đồng)	Số tiền trúng đấu giá (đồng)
		Tờ	Thửa	Lô số			
4	Khương Văn Hưng	5	302	23	100,0	600.000.000	671.000.000
5	Nguyễn Văn Chinh	5	302	24	100,0	600.000.000	671.000.000
IV	**Xã Hoàng Nam**			**12**	**1.568,0**	**6.214.600.000**	**7.581.100.000**
1	Nguyễn Đức Duy	8	4	1	105,0	840.000.000	1.220.000.000
2	Đoàn Thị Thúy Hằng	8	4	2	101,0	808.000.000	1.212.000.000
3	Đỗ Văn Chuyên	2a	209	9	147,0	264.600.000	321.000.000
4	Đoàn Văn Thân	2a	209	10	165,5	297.900.000	375.000.000
5	Đoàn Văn Viễn	2a	209	11	170,0	306.000.000	405.000.000
6	Huỳnh Văn Tung	2a	209	12	174,5	314.100.000	315.100.000
7	Nguyễn Thị Mão	2b	298	22	117,5	564.000.000	605.000.000
8	Bùi Thị Nhiễu	2b	298	23	117,5	564.000.000	665.000.000
9	Dương Văn Soạn	2b	298	25	117,5	564.000.000	665.000.000
10	Bùi Văn Đức	2b	298	26	117,5	564.000.000	581.000.000
11	Đinh Văn Sở	2b	298	27	117,5	564.000.000	565.000.000
12	Trần Quang Táp	2b	298	29	117,5	564.000.000	652.000.000
V	**Xã Nghĩa Phú**			**6**	**723,5**	**3.379.500.000**	**4.400.990.000**
1	Vũ Hoàng Sơn	7	75	2	146,0	657.000.000	809.000.000
2	Vũ Hoàng Sơn	7	75	3	137,5	687.500.000	1.019.000.000
3	Nguyễn Thúy Hằng	9	186	4	110,0	550.000.000	723.990.000
4	Nguyễn Phúc Chỉnh	9	186	5	110,0	495.000.000	610.000.000
5	Nguyễn Thị Hồng Nhung	9	186	6	110,0	495.000.000	616.000.000
6	Trần Phúc Hậu	9	186	7	110,0	495.000.000	623.000.000
VI	**Xã Nghĩa Hùng**			**8**	**894,0**	**3.897.000.000**	**4.014.500.000**
1	Trần Văn Cường	2b	449	1	108,0	486.000.000	487.000.000
2	Trần Văn Cường	2b	449	2	108,0	486.000.000	490.000.000
3	Trần Thị Ngọc Anh	2b	449	3	108,0	486.000.000	487.000.000
4	Trần Đức Uyên	2b	484	5	102,0	459.000.000	460.000.000
5	Vũ Duy Tiên	2b	593,594	7	108,0	486.000.000	488.500.000
6	Trần Thị Tuyết	2b	593,594	8	108,0	486.000.000	487.000.000
7	Nguyễn Hữu Độ	8	Sông cụt	9	126,0	504.000.000	610.000.000
8	Vũ Văn Nghị	8	Sông cụt	10	126,0	504.000.000	505.000.000
	TỔNG CỘNG			**56**	**8.093,5**	**25.866.600.000**	**32.582.316.000**